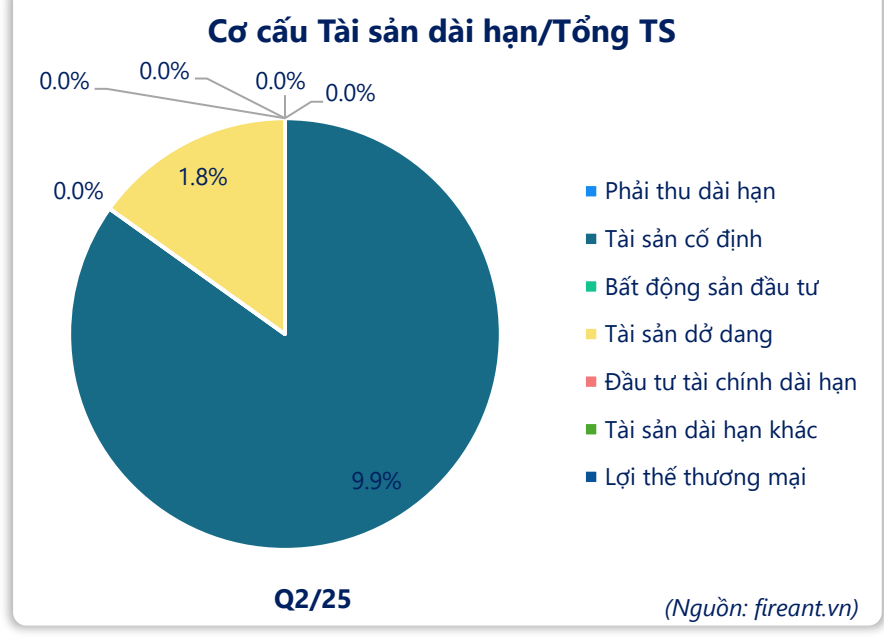
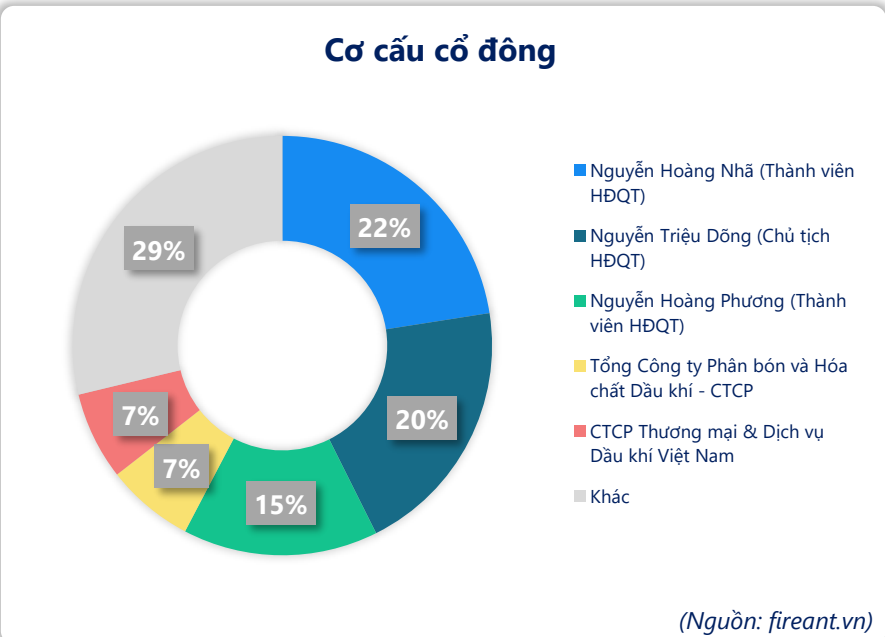
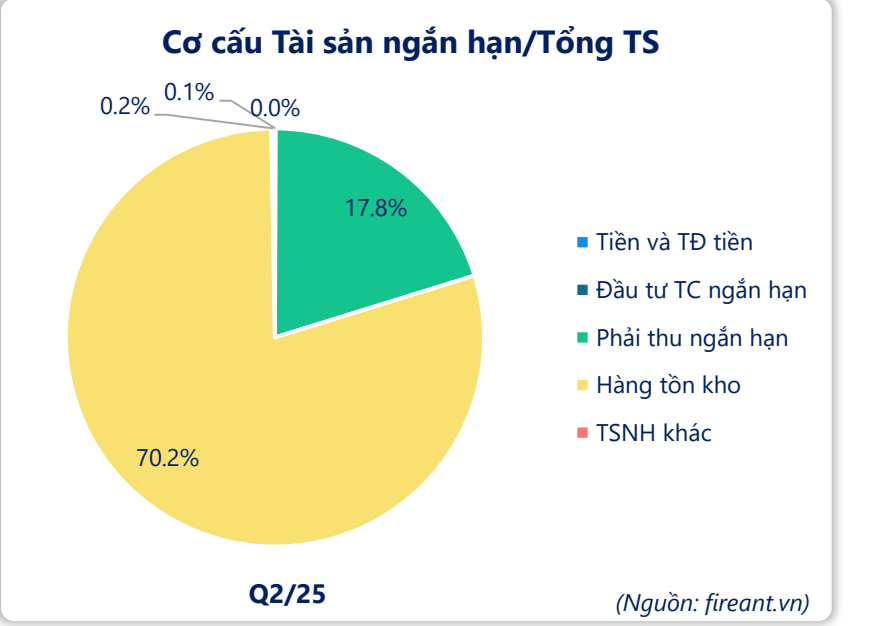
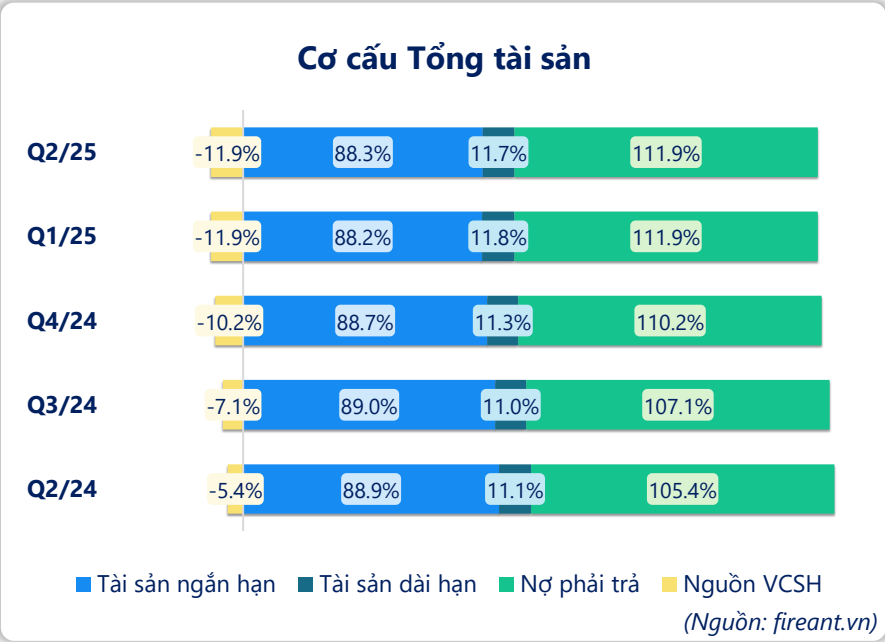
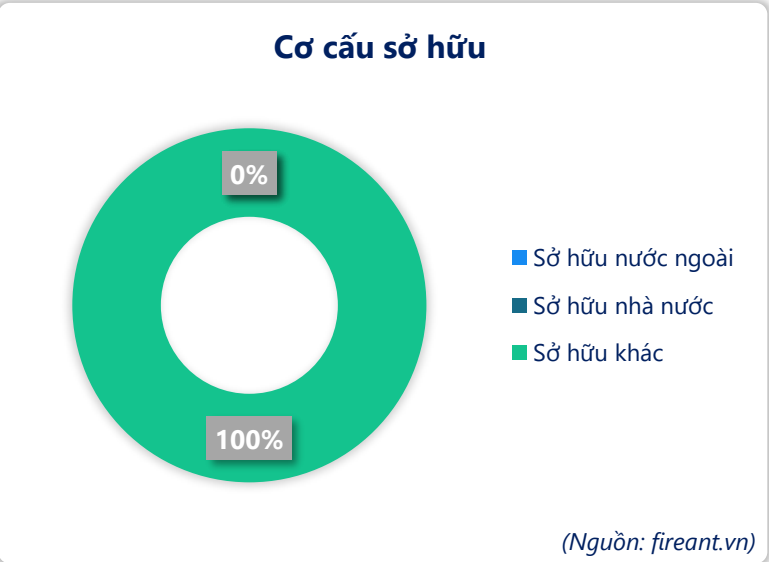
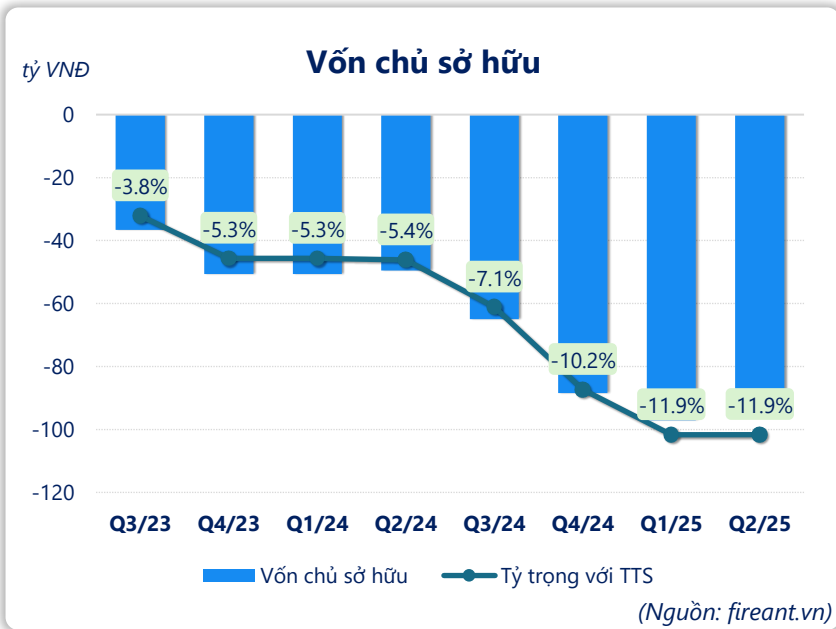
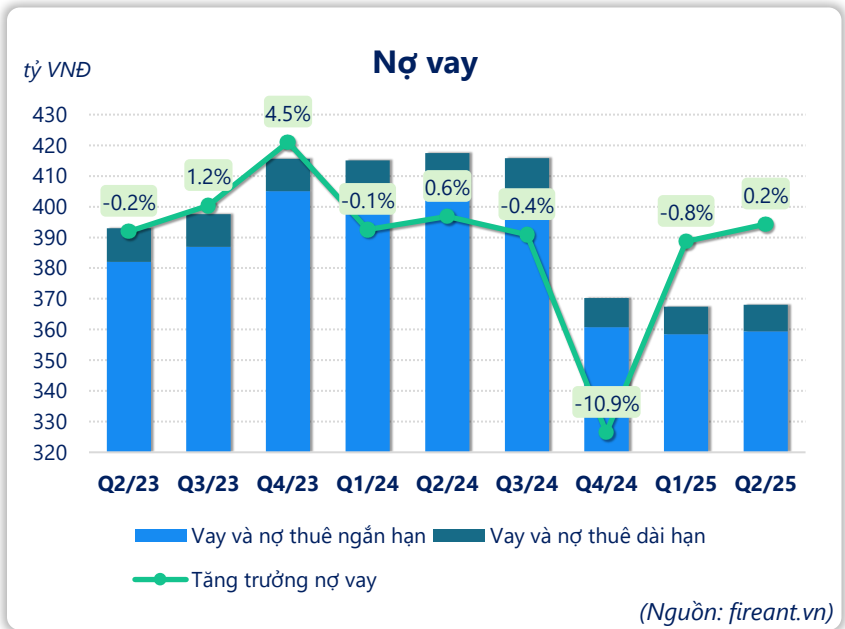
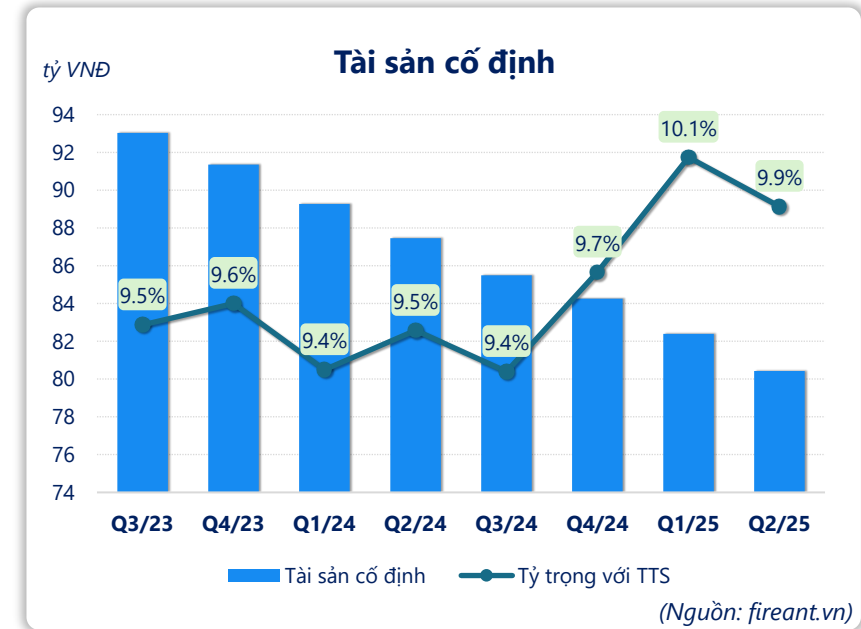
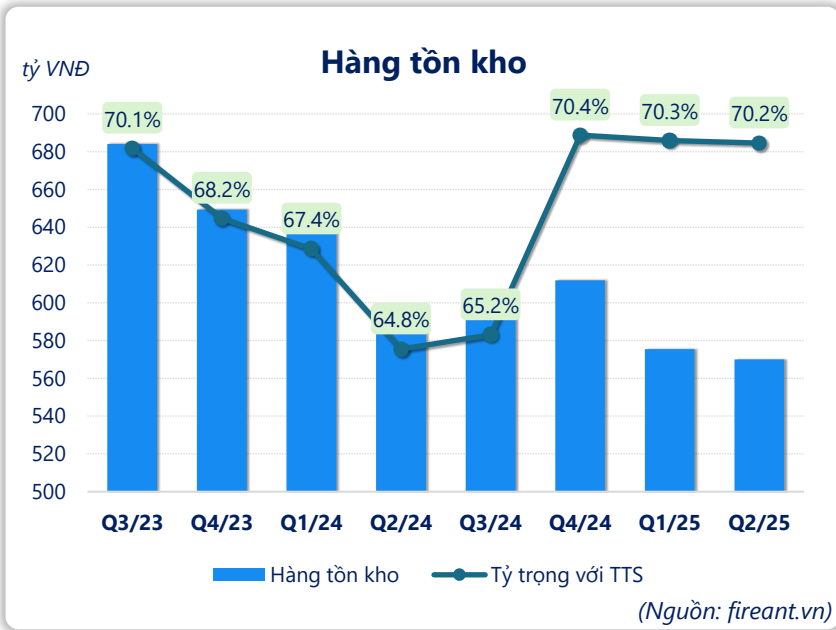
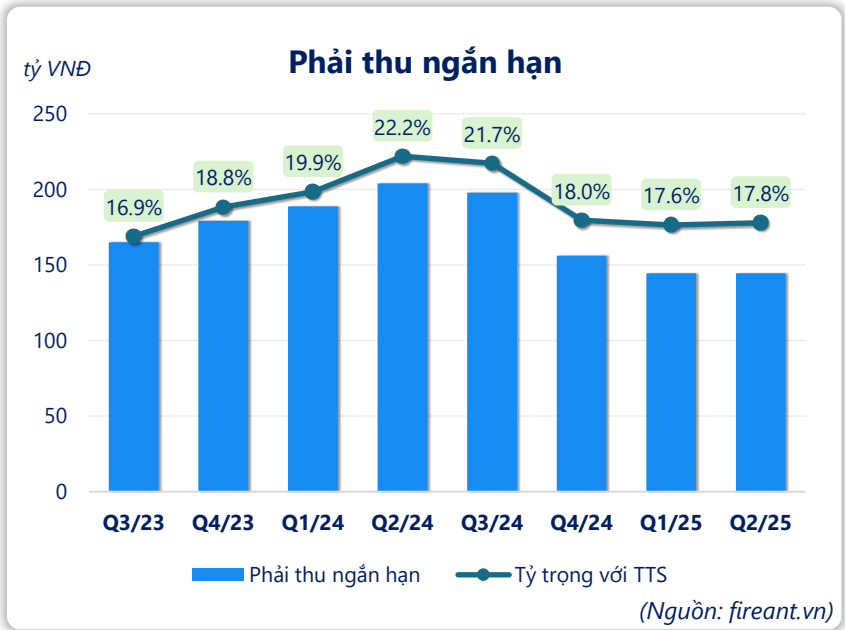
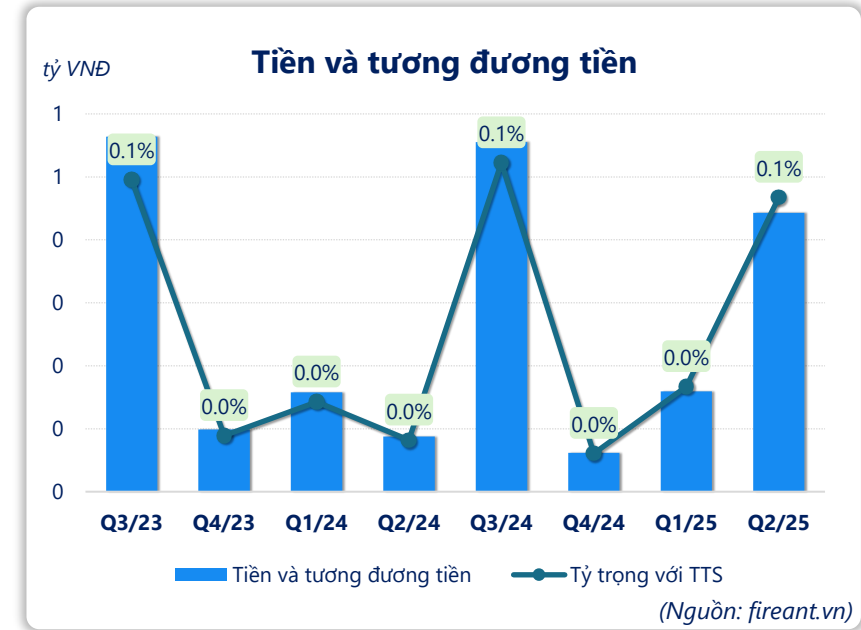
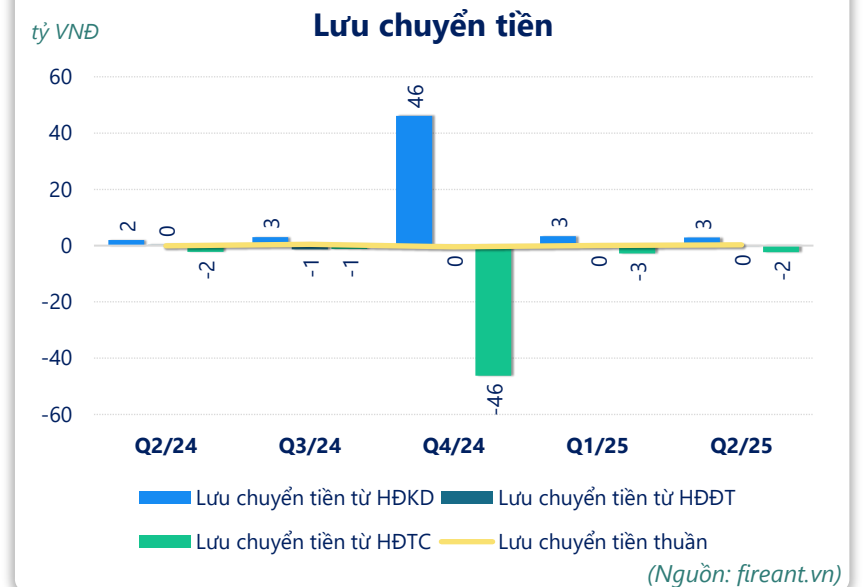
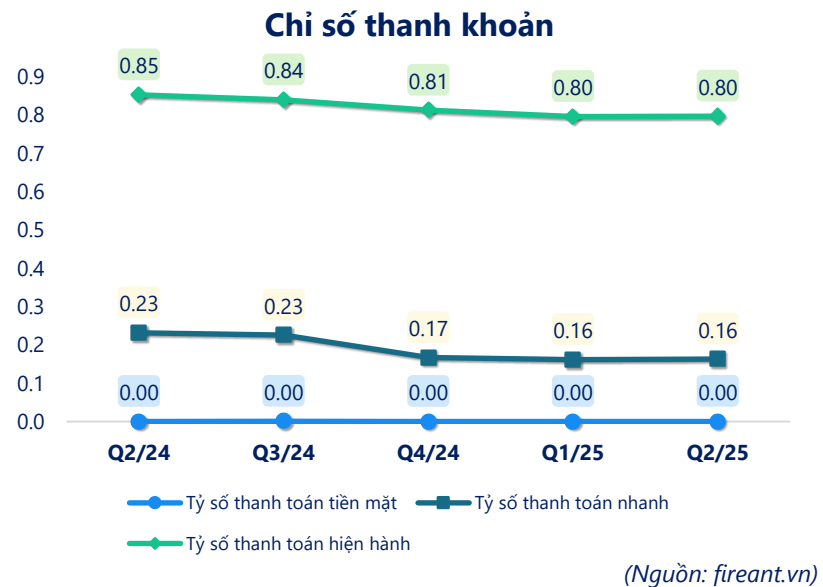
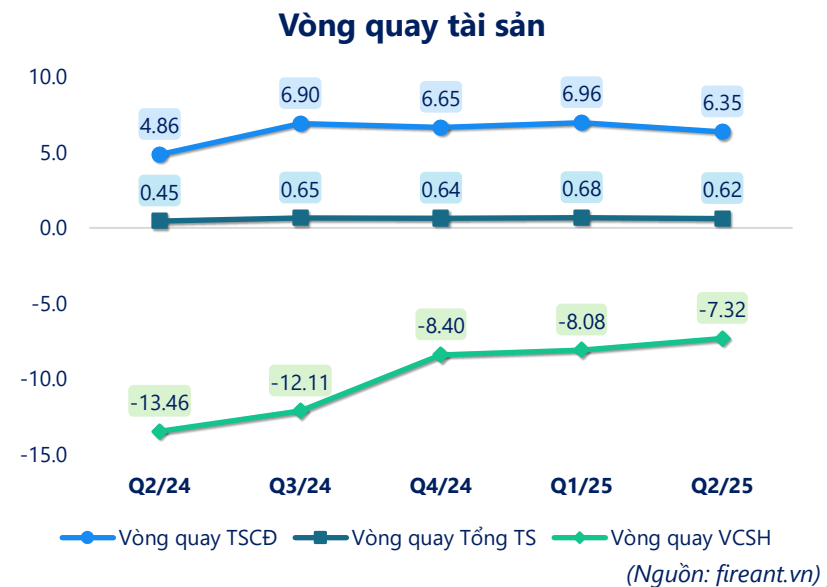
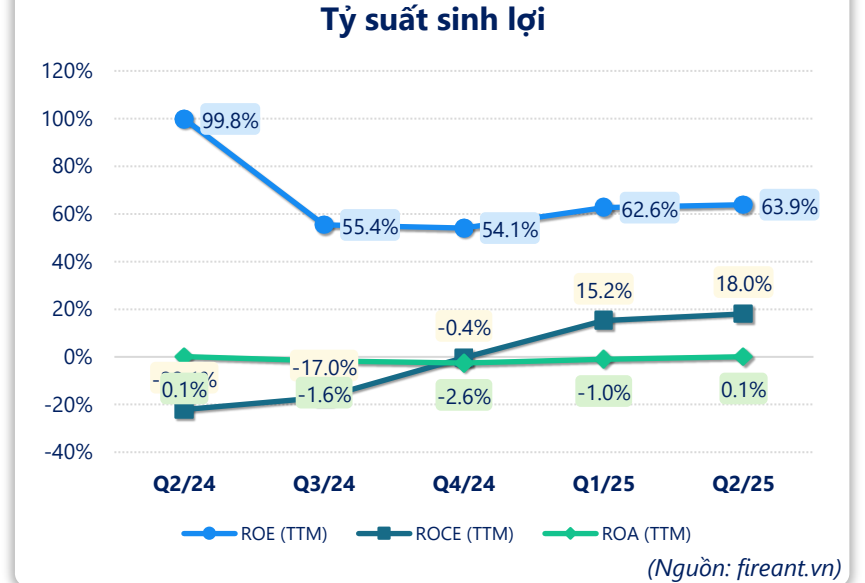
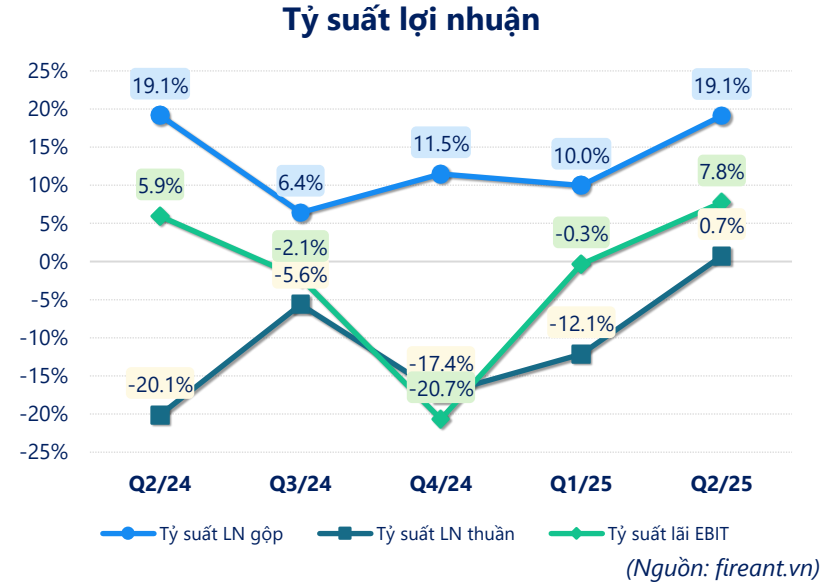
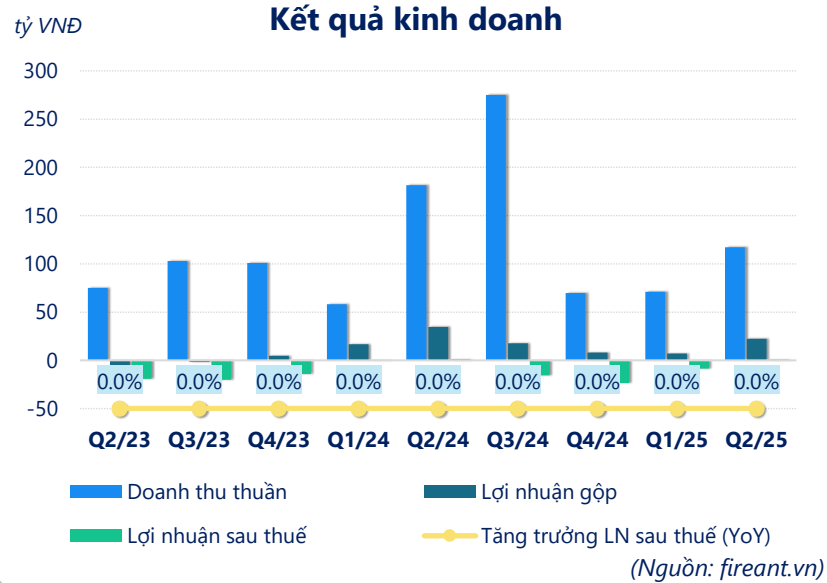


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,700
SL cổ phiếu LH		35,399,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		227
P/E		-4.9
EPS		-1,314

	YTD	1T	3T	6T
UXC	36.2%	0.0%	0.0%	14.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	4.6%	4.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	812	868	-6.5%
Tài sản ngắn hạn	717	770	-6.9%
Tiền và tương đương tiền	0.44	0.06	619%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	145	156	-7.3%
Hàng tồn kho	570	612	-6.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.95	2.08	-6.6%
Tài sản dài hạn	94.7	98.6	-3.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	80.4	84.3	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.3	14.3	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.00	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	908	957	-5.1%
Nợ ngắn hạn	899	948	-5.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	359	361	-0.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	64.7	84.3	-23.3%
Nợ dài hạn	8.67	9.48	-8.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.67	9.48	-8.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-96.2	-88.7	-8.5%
Vốn chủ sở hữu	-96.2	-88.7	-8.5%
Vốn điều lệ	354	354	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	181	275	69.8	71.2	117
Giá vốn hàng bán	147	257	61.8	64.1	94.8
Lợi nhuận gộp	34.7	17.7	8.00	7.09	22.4
Doanh thu HĐTC	0.79	3.91	-0.77	0.44	0.57
Chi phí TC	22.0	11.0	9.82	9.25	15.0
Chi phí lãi vay	9.62	9.61	9.09	8.19	8.20
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.68	24.1	9.04	5.08	5.18
Chi phí QLDN	42.3	1.94	0.48	1.82	1.89
LN thuần từ HĐKD	-36.5	-15.5	-12.1	-8.63	0.86
Lợi nhuận khác	37.6	0.05	-11.4	0.20	0.03
LN trước thuế	1.16	-15.5	-23.5	-8.44	0.90
Lợi nhuận sau thuế	1.16	-15.5	-23.5	-8.44	0.90
LNST của CĐ cty mẹ	1.16	-15.5	-23.5	-8.44	0.90

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.93	3.03	46.2	3.40	2.85
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.25	-1.34	-0.39	-0.49	-0.17
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.26	-1.23	-46.2	-2.82	-2.39
Tiền đầu kỳ	0.16	0.09	0.56	0.06	0.16
Lưu chuyển tiền thuần	-0.07	0.47	-0.42	0.10	0.30
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	-0.07	0	-0.01
Tiền cuối kỳ	0.09	0.56	0.06	0.16	0.44

(Nguồn: fireant.vn)